TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-PT
Ngày: 25/01/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Đăng**

Các Thẩm phán: Ông **Triệu Quốc Hiếu**

Bà **Phạm Thị Hồng Hà**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Khương** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Nguyễn Thị Huệ -** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2017/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2017/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng NT**.

Địa chỉ: số x, đường TQK, phường LTT, quận HK, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông **Nghiêm Xuân T** – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng NT.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông **Phan Võ Phước K** – Phó Giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng NT – Chi nhánh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền số 82/UQ-VCB-PC ngày 08/3/2017).

- Ông **Trần Công M**, sinh năm 1984 – Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng NT - Chi nhánh VL (văn bản ủy quyền số 509/UQ-VLO-HCNS ngày 24/4/2017).

2. Bị đơn: **Công ty LT**.

Địa chỉ: Số y, đường j, phường k, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: ông **Trần Thanh H** – Tổng giám đốc Công ty LT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Minh V** – Phó phòng Kinh doanh Công ty LT (văn bản ủy quyền ngày 28/5/2017)

* *Người kháng cáo*: bị đơn **Công ty LT**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 27/12/2016 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/3/2017, nguyên đơn Ngân hàng NT và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Công M đều trình bày:

Do nhu cầu cần bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, nên Công ty LT (gọi tắt là Công ty) có đến Ngân hàng NT chi nhánh Vĩnh Long (gọi tắt là Ngân hàng) để thỏa thuận vay và ký kết các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng từng lần số: 33/HĐTD-VLO.KH, ngày 25/9/2014 Công ty vay số tiền 40.000.000.000đ, lãi suất trong hạn 8%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn cho vay là 06 tháng trên giấy nhận nợ; Ngân hàng đã giải ngân đủ cho Công ty theo giấy nhận nợ ngày 25/9/2014 và ngày 26/9/2014. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng có cho Công ty cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo phụ lục hợp đồng tín dụng số 01, ngày 18/3/2015. Tính đến ngày 22/9/2017 Công ty còn nợ lại số tiền vốn gốc là 35.900.000.000đ và tiền lãi 9.689.655.555đ. Tổng cộng bằng 45.589.655.555đ.

- Hợp đồng tín dụng từng lần số: 46/HĐTD-VLO.KH, ngày 31/10/2014 Công ty vay số tiền 6.350.000.000đ, lãi suất 7%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn cho vay là 06 tháng trên giấy nhận nợ; Ngân hàng đã giải ngân đủ cho Công ty theo giấy nhận nợ ngày 31/10/2014. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng có cho Công ty cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo phụ lục hợp đồng tín dụng số 01, ngày 18/3/2015. Tính đến ngày 22/9/2017 Công ty còn nợ lại số tiền vốn gốc là

6.350.000.000đ và tiền lãi 1.516.238.890đ. Tổng cộng bằng 7.866.238.890đ.

- Hợp đồng tín dụng từng lần số: 03/HĐTD-VLO.KH, ngày 17/3/2015 Công ty vay số tiền 5.000.000.000đ, lãi suất 7%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn cho vay là 06 tháng trên giấy nhận nợ; Ngân hàng đã giải ngân đủ cho Công ty theo giấy nhận nợ ngày 17/3/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty chưa thanh toán tiền vốn. Tính đến ngày 22/9/2017 Công ty còn nợ số tiền vốn gốc là 5.000.000.000đ và tiền lãi 1.185.625.000đ. Tổng cộng bằng 6.185.625.000đ.

- Hợp đồng tín dụng từng lần số: 04/HĐTD-VLO.KH, ngày 19/3/2015 Công ty vay số tiền 5.700.000.000đ, lãi suất 7%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn cho vay là 06 tháng trên giấy nhận nợ; Ngân hàng đã giải ngân đủ cho Công ty theo giấy nhận nợ ngày 19/3/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã thanh toán được một phần tiền vốn. Tính đến ngày 22/9/2017 thì Công ty còn nợ lại số tiền vốn gốc là 900.000.000đ và tiền lãi 240.506.389đ. Tổng cộng bằng 1.140.506.389đ.

- Hợp đồng tín dụng từng lần số: 09/HĐTD-VLO.KH, ngày 13/4/2015 Công ty vay số tiền 6.750.000.000đ, lãi suất 7%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn cho vay là 06 tháng trên giấy nhận nợ; Ngân hàng đã giải ngân đủ cho Công ty theo giấy nhận nợ ngày 13/4/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã thanh toán được một phần tiền vốn. Tính đến ngày 22/9/2017 thì Công ty còn nợ lại số tiền vốn gốc là 300.000.000đ và tiền lãi 158.131.943đ. Tổng cộng bằng 458.131.943đ.

Để đảm bảo các khoản nợ vay thì Công ty đã thế chấp cho Ngân hàng gồm các tài sản sau:

1. Hợp đồng thế chấp tài sản số: 112/HĐTC-VLO.KH, ngày 23/7/2014, được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố CT ngày 24/7/2014 gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 034490 do Ủy ban nhân dân thành phố CT cấp ngày 30/11/2000, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố CT xác nhận đã chuyển nhượng hết cho Công ty LT, xác nhận địa chỉ mới của thửa đất và thay đổi tổng diện tích đất ngày 03/11/2009, thuộc thửa 12, tờ bản đồ số 90, diện tích 146,2m^2, tọa lạc tại Phường AB, quận NK, thành phố CT.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 264485 do Ủy ban nhân dân quận NK, thành phố CT cấp ngày 29/4/2008; được Phòng Tài nguyên và Môi trường quận NK, thành phố CT điều chỉnh thửa đất ngày 02/6/2008; được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố CT xác nhận đã chuyển nhượng hết diện tích cho Công ty LT và xác nhận bổ sung tài sản gắn liền với đất là nhà kho ngày 03/7/2008, thuộc

thửa 50+11, tờ bản đồ số 87+90, diện tích 2.076,15m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở tại đô thị và 1.776,15m^2 đất chuyên dùng), tọa lạc tại Phường AB, quận NK, thành phố CT.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 264486 do Ủy ban nhân dân quận NK, thành phố CT cấp ngày 29/4/2008, được Phòng Tài nguyên và Môi trường quận NK, thành phố CT điều chỉnh địa chỉ thửa đất ngày 02/6/2008; được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố CT xác nhận đã chuyển nhượng hết diện tích cho Công ty LT và xác nhận bổ sung tài sản gắn liền với đất là nhà kho ngày 03/7/2008, thuộc thửa 49, tờ bản đồ số 87, diện tích 769,85m^2 đất chuyên dùng, tọa lạc tại Phường AB, quận NK, thành phố CT.

+ Tài sản gắn liền với đất gồm:

Nhà kho gắn liền với quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 264485, diện tích xây dựng 1.862m^2, nhà bán kiên cố, số tầng 01, giá trị sử dụng còn lại 100%.

Nhà kho gắn liền với quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 264486, diện tích xây dựng 770m^2, nhà bán kiên cố, số tầng 01, giá trị sử dụng còn lại 100%.

2. Hợp đồng thế chấp số: 113/HĐTC-VLO.KH, ngày 23/7/2014, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/7/2014 gồm: Máy móc thiết bị theo chứng thư thẩm định giá số: VLG1851/14/EXI ngày 03/7/2014 của Công ty CP Thẩm định giá EX.

3. Hợp đồng thế chấp số: 200/HĐTC-VLO.KH, ngày 08/12/2014, được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Vĩnh Long ngày 15/12/2014 gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 483868 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 15/5/2013, thuộc thửa 52, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.819,7m^2, tọa lạc tại ấp MP 5, xã TL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

+ Tài sản gắn liền với đất là công trình xây dựng xí nghiệp chế biến lương thực TB1, diện tích xây dựng 5.387,1m^2, kết cấu BTCT, khung thép, nền BTCT, vách tường, xây gạch + tole, mái tole, cấp 3, số tầng 01, năm hoàn thành xây dựng 2011.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 483867 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 15/5/2013, thuộc thửa 488, tờ bản đồ số 21, diện tích 619,8m^2 đất cơ sở sản xuất, kinh doanh, tọa lạc tại ấp MP 5, xã TL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

4. Hợp đồng thế chấp số: 201/HĐTC-VLO.KH, ngày 08/12/2014, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/12/2014 gồm: Toàn bộ hệ thống dây chuyền máy móc, thiết bị của Công ty LT theo chứng thư số VLG4162/14/EXI, ngày 05/12/2014 của Công ty CP Thẩm định giá EX.

5. Hợp đồng thế chấp số: 16/HĐ-VL.KH, ngày 26/5/2010, hợp đồng này chưa đăng ký giao dịch bảo đảm và chưa công chứng, chứng thực gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 264485 do Ủy ban nhân dân quận NK, thành phố CT cấp ngày 29/4/2008, được Phòng Tài nguyên và Môi trường quận NK, thành phố CT điều chỉnh thửa đất ngày 02/6/2008; được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố CT xác nhận đã chuyển nhượng hết diện tích cho Công ty LT, thuộc thửa 50+11, tờ bản đồ số 87+90, diện tích 245,61m^2 đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Phường AB, quận NK, thành phố CT.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 264486 do Ủy ban nhân dân quận NK, thành phố CT cấp ngày 29/4/2008, được Phòng Tài nguyên và Môi trường quận NK, thành phố CT điều chỉnh địa chỉ thửa đất ngày 02/6/2008; được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố CT xác nhận đã chuyển nhượng hết diện tích cho Công ty LT, thuộc thửa 49, tờ bản đồ số 87, diện tích 1.184,91m^2 đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Phường AB, quận NK, thành phố CT.

Nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty LT trả nợ cho Ngân hàng NT số tiền vốn gốc 48.450.000.000đ và lãi trong hạn 8.974.827.221đ, nợ lãi quá hạn 3.815.330.556đ, tổng cộng bằng 61.240.157.777đ và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phát sinh cho đến khi Công ty thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng. Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp số 16, 112, 113, 200 và 201 để thu hồi nợ cho Ngân hàng; trường hợp xử lý các tài sản thế chấp theo các hợp đồng bảo đảm vẫn không đủ trả nợ thì Công ty LT vẫn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trong Biên bản hòa giải ngày 12/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp cho bị đơn là ông Lê Minh V thừa nhận Công ty có vay và thế chấp tài sản như nguyên đơn trình bày, đồng thời xác nhận hiện nay Công ty còn nợ nguyên đơn số tiền vốn 48.450.000.000đ và đồng ý hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vốn gốc, đồng ý phát mãi các tài sản đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp số 16, 112, 113, 200 và 201 như nguyên đơn trình bày để thanh toán nợ cho nguyên đơn. Tuy nhiên, ông không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn về việc trả các khoản tiền lãi, do hiện

nay Công ty đang gặp khó khăn.

- Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 355, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 147, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và mục 1.2, mục 1.4 Phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NT, có ông Trần Công Minh làm đại diện.

Buộc Công ty LT trả cho Ngân hàng NT các khoản tiền gồm: Tiền vốn vay: 48.450.000.000đ (Bốn mươi tám tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi: 12.790.157.777đ (Mười hai tỷ bảy trăm chín mươi triệu một trăm năm mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng). Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi (làm tròn) bằng: 61.240.157.000đ (Sáu mươi mốt tỷ hai trăm bốn mươi triệu một trăm năm mươi bảy ngàn đồng).

Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (22/9/2017), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

Trường hợp Công ty LT không thanh toán hoặc thanh toán chưa hết nợ thì Ngân hàng NT có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ gồm:

+ Quyền sử dụng đất số N 034490 do UBND thành phố CT cấp ngày 30/11/2000, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố CT xác nhận đã chuyển nhượng hết cho Công ty LT, xác nhận địa chỉ mới của thửa đất và thay đổi tổng diện tích đất ngày 03/11/2009, thuộc thửa 12, tờ bản đồ số 90, diện tích 146,2m^2, tọa lạc tại Phường AB, quận NK, thành phố CT.

+ Quyền sử dụng đất số AM 264485 do UBND quận NK, thành phố CT cấp ngày 29/4/2008; được Phòng Tài nguyên và Môi trường quận NK,

thành phố CT điều chỉnh thửa đất ngày 02/6/2008; được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố CT xác nhận đã chuyển nhượng hết diện tích cho Công ty LT và xác nhận bổ sung tài sản gắn liền với đất là nhà kho ngày 03/7/2008, thuộc thửa 50+11, tờ bản đồ số 87+90, diện tích 2.076,15m^2, loại đất ở tại đô thi và đất chuyên dùng, tọa lạc tại Phường AB, quận NK, thành phố CT.

+ Quyền sử dụng đất số AM 264486 do UBND quận NK, thành phố CT cấp ngày 29/4/2008, được Phòng Tài nguyên và Môi trường quận NK, thành phố CT điều chỉnh địa chỉ thửa đất ngày 02/6/2008; được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố CT xác nhận đã chuyển nhượng hết diện tích cho Công ty LT và xác nhận bổ sung tài sản gắn liền với đất là nhà kho ngày 03/7/2008, thuộc thửa 49, tờ bản đồ số 87, diện tích 769,85m^2, loại đất chuyên dùng, tọa lạc tại Phường AB, quận NK, thành phố CT.

+ Tài sản gắn liền với đất gồm: Nhà kho gắn liền với quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 264485 và số AM 264486.

(Theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 112/HĐTC-VLO.KH, ngày 23/7/2014, được chứng nhận của Phòng Công chứng Q thành phố CT, số 796, quyển số 02/2014/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 23/7/2014 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố CT ngày 24/7/2014)

+ Máy móc thiết bị, dây chuyền xay xát gạo theo chứng thư thẩm định giá số: VLG1851/14/EX ngày 03/7/2014 của Công ty CP Thẩm định giá EX.

(Theo hợp đồng thế chấp số: 113/HĐTC-VLO.KH, ngày 23/7/2014, được chứng nhận của Phòng Công chứng số 1 thành phố CT, số 797, quyển số 02/2014/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 23/7/2014 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/7/2014).

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 483868, thuộc thửa 52, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.819,7m^2, tọa lạc tại ấp MP5, xã TL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Tài sản gắn liền với đất là công trình xây dựng xí nghiệp chế biến lương thực TB1.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 483867, thuộc thửa 488, tờ bản đồ số 21, diện tích 619,8m^2 đất cơ sở sản xuất, kinh doanh, tọa lạc tại ấp MP5, xã TL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

(Theo hợp đồng thế chấp số: 200/HĐTC-VLO.KH, ngày 08/12/2014, được chứng nhận của Phòng Công chứng W tỉnh Vĩnh Long, số 6357, quyển số 03-CC/HĐGD, ngày 08/12/2014 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng

đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Vĩnh Long ngày 15/12/2014).

+ Toàn bộ hệ thống dây chuyền máy móc, thiết bị của Công ty LT (Theo hợp đồng thế chấp số: 201/HĐTC-VLO.KH, ngày 08/12/2014, được chứng nhận của Phòng Công chứng W tỉnh Vĩnh Long, số 6358, quyển số 03-CC/HĐGD, ngày 08/12/2014 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/12/2014).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 16/HĐ-VL.KH, ngày 26/5/2010.

Tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản số: 16/HĐ-VL.KH, ngày 26/5/2010 giữa bên thế chấp là Công ty LT và bên nhận thế chấp là Ngân hàng NT – Chi nhánh Vĩnh Long là vô hiệu.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty LT, có ông Lê Minh V làm đại diện, về việc phát mãi tài sản để thanh toán nợ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật gồm:

+ Quyền sử dụng đất số AM 264485 do Ủy ban nhân dân quận NK, thành phố CT cấp ngày 29/4/2008, thuộc thửa 50+11, tờ bản đồ số 87+90, diện tích 245,61m^2 đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Phường AB, quận NK, thành phố CT.

+ Quyền sử dụng đất số AM 264486 do Ủy ban nhân dân quận NK, thành phố CT cấp ngày 29/4/2008, thuộc thửa 49, tờ bản đồ số 87, diện tích 1.184,91m^2 đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Phường AB, quận NK, thành phố CT..

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 05/10/2017 bị đơn Công ty LT kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo có đơn xin vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng NT đề nghị sửa án sơ thẩm do Công ty LT đã trả số nợ 12.848.617.587đ và đã xử lý xong tài sản thế chấp theo hợp đồng số 112 và 113 sau khi xét xử sơ thẩm. Nay Ngân hàng NT yêu

cầu Công ty LT trả cho Ngân hàng tiền gốc lãi còn lại là 48.391.540.190đ và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng từ ngày 23/9/2017 đến khi thanh toán xong nợ và đề nghị xử lý hợp đồng thế chấp số 200, 201.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung:

Xét đơn khảng cáo của đương sự:

- *Tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo:* Đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nội dung đơn kháng cáo đầy đủ theo Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung đơn khảng cáo:*

+ Đối với nội dung kháng cáo cho rằng việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho Công ty LT vi phạm Khoản 1 Điều 178 Bộ luật Tố tụng dân sự là không có căn cứ, vì:

Khoản 1 Điều 178 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Văn bản tố tụng phải được giao trực tiếp cho người đại diện theo pháp luật hoặc người chịu trách nhiệm nhận văn bản của cơ quan, tổ chức và phải được những người này ký nhận. Trường hợp cơ quan, tổ chức thông báo có người đại diện tham gia tố tụng hoặc cử người đại diện nhận văn bản tố tụng thì những người này ký nhận văn bản tố tụng.

Hồ sơ thể hiện ngày 15/8/2017 Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2017/QĐXXST-KDTM ngày 08/8/2017 cho Công ty LT. Người nhận Lê Trọng Thắng – Nhân viên phòng Tổ chức hành chánh ký nhận (BL 451); đến ngày xét xử (ngày 31/8/2017) Công ty LT không có mặt tại Tòa án nên Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa số 127/2017/QĐST-KDTM và ấn định lại ngày xét xử là 22/9/2017. Quyết định hoãn phiên tòa này Tòa án tống đạt ngày 08/9/2017 cho Công ty LT, Người nhận Nguyễn Chí M – Phó Phòng kinh doanh ký nhận (BL 456).

Như vậy cả hai lần tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa Công ty LT đều có người ký nhận nên việc triệu tập đương sự là hợp lệ đến lần thứ hai, do đó căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng.

+ Nội dung kháng cáo cho rằng: Ngân hàng NT kiện Công ty LT là không có căn cứ vì theo các hợp đông tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng NT có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nếu Công ty LT không trả được nợ hoặc không thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm, chỉ khi nào Công ty có dấu

hiệu chống đối, cản trở thì Ngân hàng NT mới được khởi kiện là không đúng quy định của pháp luật là không có căn cứ để chấp nhận vì: Theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết Ngân hàng NT có quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo Điều 4 Bộ luật Tố tụng Dân sự

Vì vậy, đơn kháng cáo của Công ty LT là không có cơ sở để chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi một phần nội dung đơn khởi kiện, yêu cầu Công ty LT trả số tiền là 48.391.540.190đ (Trong đó nợ gốc là 35.601.382.413đ, lãi là 12.790.157.777đ) vì sau ngày xét xử sơ thẩm Công ty LT đã bán các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 112/HĐTC-VLO.KH và hợp đồng số 113/HĐTC-VLO.KH cùng ngày 23/7/2014 để trả cho Ngân hàng NT số tiền nợ gốc là 12.848.617.587đ; yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 200/HĐTC-VLO.KH và số 201/HĐTC-VLO.KH cùng ngày 08/12/2014. Nội dung thay đổi yêu cầu của nguyên đơn là không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Bởi những lẽ trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đề nghị Hội đồng áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự theo hướng bác đơn kháng cáo của Công ty LT, chấp nhận nội dung thay đổi yêu cầu của Ngân hàng NT.

Về án phí: Công ty LT không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của Công ty LT còn trong hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Công ty LT có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Ngân hàng NT Chi nhánh Vĩnh Long có ký kết hợp đồng vay tài sản với Công ty LT hợp đồng từng lần số 33/HĐTD-VLO.KH ngày 25/9/2014 vay số tiền vốn 40.000.000.000đ, quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 22/9/2017 Công ty LT còn nợ Ngân hàng NT gốc là 35.900.000.000đ và lãi là 9.689.655.555đ . Tổng cộng 45.589.655.555đ;

Hợp đồng tín dụng từng lần số 46/HĐTD-VLO.KH ngày 31/10/2014, vay số tiền 6.380.000.000đ, quá trình thực hiện hợp đồng Công ty LT tính đến

ngày 22/9/2017 còn nợ Ngân hàng NT gốc là 6.350.000.000đ và tiền lãi 1.516.238.890đ. Tổng cộng vốn lãi 7.866.238.890đ.

Hợp đồng tín dụng từng lần số 03/HĐTD-VLO.KH ngày 17/3/2015 vay 5.000.000.000đ, quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 22/9/2017 Công ty LT còn nợ Ngân hàng NT số tiền gốc là 5.000.000.000đ và lãi 1.185.625.000đ. Tổng cộng vốn lãi 6.185.625.000đ.

Hợp đồng tín dụng từng lần số 04/HĐTD-VLO.KH ngày 19/3/2015 vay 5.700.000.000đ, quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 22/9/2017 Công ty LT còn nợ Ngân hàng NT số tiền gốc là 900.000.000đ và lãi 290.506.389đ. Tổng cộng vốn lãi 1.140.506.389đ.

Hợp đồng tín dụng từng lần số 09/HĐTD-VLO.KH ngày 14/3/2015 vay 6.750.000.000đ, quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 22/9/2017 Công ty LT còn nợ Ngân hàng NT số tiền gốc là 300.000.000đ và lãi 158.131.943đ. Tổng cộng vốn lãi 458.131.943đ.

Như vậy thực hiện giao dịch hợp đồng số 33,46,03,04,09 tính đến ngày 22/9/2017 Công ty LT còn nợ gốc Ngân hàng NT số tiền gốc 48.450.000.000đ và lãi 12.790.157.777đ; mục đích Ngân hàng NT cho Công ty LT vay để bổ sung vốn kinh doanh.

Thời hạn trả nợ các hợp đồng cụ thể: hợp đồng số 33/HĐTD-VLO.KH ngày 25/9/2014 thời hạn trả nợ ngày 25/9/2015, hợp đồng số 46/HĐTD-VLO.KH ngày 31/10/2014 thời hạn trả nợ ngày 18/3/2015, hợp đồng số 03/HĐTD-VLO.KH ngày 17/3/2015 thời hạn trả nợ ngày 17/9/2015, hợp đồng số 04/HĐTD-VLO.KH ngày 19/3/2015 thời hạn trả nợ ngày 19/9/2015, hợp đồng số 09/HĐTD-VLO.KH ngày 14/3/2015 thời hạn trả nợ ngày 13/8/2015. Đến ngày 27/12/2016 Ngân hàng NT khởi kiện là phù hợp pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty LT vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên án sơ thẩm xử buộc Công ty LT trả nợ cho Ngân hàng NT là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét đơn kháng cáo của Công ty LT là chưa có căn cứ, như nhận định trên Công ty LT vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[3] Việc Công ty LT cho rằng Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long vi phạm tố tụng phía Công ty không nhận được giấy triệu tập lần hai là chưa có căn cứ, bởi lẽ theo Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2017/QĐST-KDTM ngày 31/8/2017 thể hiện thời gian mở phiên tòa được ấn định vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 22/9/2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, đại diện Công ty LT ký nhận ngày 08/9/2017 nên Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh

Long đưa vụ án ra xét xử vắng mặt Công ty LT là đúng theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời sau khi xét xử sơ thẩm ngày 05/10/2017 Công ty LT đã có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của bị đơn Công ty LT.

[4] Trong quá trình thụ lý giải quyết tại cấp phúc thẩm thì Công ty LT có trả vốn 12.848.617.587đ và xử lý xong tài sản thế chấp của hợp đồng số 112 và 113, đại diện Ngân hàng NT và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đề nghị sửa án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận, do có thay đổi số tiền trả nợ nên điều chỉnh án phí sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên Công ty LT không phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, số tiền tạm ứng án phí Công ty LT nộp 3.000.000đ (ba triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N^0 0003044 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long sẽ được hoàn trả cho Công ty LT.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý hợp đồng vô hiệu, án phí đối với Ngân hàng NT, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ không kháng cáo, không kháng nghị sẽ có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 335, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và mục 1.2, mục 1.4 Phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty LT, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Buộc Công ty LT trả cho Ngân hàng NT các khoản tiền gồm vốn lãi là 48.391.450.190đ (bốn mươi tám tỷ ba trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm năm mươi ngàn một trăm chín mươi đồng) trong đó vốn 35.601.382.413đ và lãi 12.790.157.777đ.

Công ty LT phải thanh toán các khoản tiền lãi (theo thỏa thuận trong hợp

đồng) của số tiền gốc chưa thanh toán kể từ ngày 23/9/2017 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp Công ty LT không thanh toán hoặc thanh toán chưa hết nợ thì Ngân hàng NT có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 483868, thuộc thửa 52, tờ bản đồ số 35, diện tích 7.819,7m^2, tọa lạc tại ấp MP5, xã TL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Tài sản gắn liền với đất là công trình xây dựng xí nghiệp chế biến lương thực TB1.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 483867, thuộc thửa 488, tờ bản đồ số 21, diện tích 619,8m^2 đất cơ sở sản xuất, kinh doanh, tọa lạc tại ấp MP5, xã TL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

(Theo hợp đồng thế chấp số: 200/HĐTC-VLO.KH, ngày 08/12/2014, được chứng nhận của Phòng Công chứng W tỉnh Vĩnh Long, số 6357, quyển số 03- CC/HĐGD, ngày 08/12/2014 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Vĩnh Long ngày 15/12/2014).

- Toàn bộ hệ thống dây chuyền máy móc, thiết bị của Công ty LT (Theo hợp đồng thế chấp số: 201/HĐTC- VLO.KH, ngày 08/12/2014, được chứng nhận của Phòng Công chứng W tỉnh Vĩnh Long, số 6358, quyển số 03-CC/HĐGD, ngày 08/12/2014 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/12/2014).

Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc Công ty LT nộp 156.391.500đ (một trăm năm mươi sáu triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn năm trăm bốn mươi đồng).

Hoàn trả cho Công ty LT 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N^0 0003044 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý hợp đồng vô hiệu, án phí Ngân hàng NT, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ không kháng cáo, không kháng nghị sẽ có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo

quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND TPVL: 01;
- THADS TPVL: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đăng